

SỬ DỤNG HÌNH ẢNH NHẪM NÂNG CAO VỐN TỪ VỰNG TIẾNG ANH CHO SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN NĂM THỨ NHẤT CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI

Trần Quốc Việt - Đinh Thị Thanh Hiền – Nguyễn Khương
Nguyễn Thị Bích Liên - Nguyễn Thị Thanh Thủy
Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

Tóm tắt: Nghiên cứu tiến hành thu thập dữ liệu thông qua khảo sát 62 sinh viên không chuyên năm thứ nhất của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội nhằm tìm hiểu thực trạng sử dụng hình ảnh trong việc nâng cao vốn từ vựng Tiếng Anh bằng phương pháp điều tra bảng câu hỏi trực. Kết quả nghiên cứu không chỉ giúp giảng viên đổi mới phương pháp giảng dạy Tiếng Anh mà còn giúp sinh viên nâng cao chất lượng học từ vựng Tiếng Anh, đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cũng như yêu cầu của định hướng nghề nghiệp trong tương lai. Từ đó, nhóm tác giả đề xuất một số biện pháp trong việc sử dụng hình ảnh nhằm nâng cao vốn từ vựng giúp sinh viên nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của việc học vốn từ vựng Tiếng Anh nói riêng và Tiếng Anh nói chung với vai trò như một ngôn ngữ quốc tế.

Từ khóa: Hình ảnh, năm thứ nhất, sinh viên không chuyên, Tiếng Anh, vốn từ vựng.

Nhận bài ngày 05.12.2024; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 20.01.2025
Liên hệ tác giả: Trần Quốc Việt; email: tqviet2@daihocthudo.edu.vn

1. MỞ ĐẦU

Đổi mới giáo dục và đào tạo là một quá trình thay đổi tích cực nhằm tạo ra sự chuyển biến sâu sắc trong hệ thống giáo dục và đào tạo. Mục tiêu chính là đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của người học trong bối cảnh mới. Những yếu tố cốt lõi này bao gồm tư duy, mục tiêu, hệ thống, chương trình giáo dục, phương pháp giảng dạy, chính sách giáo dục, cơ chế vận hành và các điều kiện đảm bảo chất lượng. Do đó, việc đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy là điều cần thiết, tập trung vào việc phát triển trí tuệ, thể chất, cùng với việc hình thành phẩm chất và năng lực của người học. Trong xu hướng đổi mới phương pháp giảng dạy hiện nay, việc sử dụng hình ảnh một cách hiệu quả để mở rộng vốn từ vựng Tiếng Anh cho sinh viên là một yêu cầu quan trọng. Tuy nhiên, thực tế cho thấy nhiều giảng viên vẫn gặp khó khăn trong việc nghiên cứu, lựa chọn và sử dụng hình ảnh phù hợp với nội dung bài học. Đặc biệt, việc áp dụng hình ảnh nhằm nâng cao vốn từ vựng Tiếng Anh cho sinh viên không chuyên năm nhất tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

2. NỘI DUNG

2.1. Khái niệm hình ảnh

Thuật ngữ “hình ảnh” có nguồn gốc từ tiếng Latinh, dùng để phản ánh một dạng thức của sự tưởng tượng. Theo tiếng Pháp cổ, khái niệm hình ảnh ban đầu mang nghĩa trạng thái và hiện tượng trong một giấc mơ, sau đó mở rộng nghĩa thành “biểu hiện của một vật hay một cá nhân” [1]. Theo Wright, A. [2], “hình ảnh không chỉ được sử dụng như một phương pháp dạy học hiệu quả mà những hình ảnh về nơi chốn, vật thể và con người được thể hiện qua hình ảnh mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc giúp người học hình thành được thể

giới trực quan sinh động chung quanh”. Trong *Từ điển Tiếng Việt*, Hoàng Phê [3] viết “hình ảnh có khả năng gợi tả sinh động trong cách diễn đạt”. Từ các định nghĩa trên, chúng ta có thể hiểu rằng hình ảnh là một khái niệm dùng để chỉ một bức tranh hoặc bức ảnh, phản ánh một khía cạnh nào đó của thực tế, và được sử dụng như một công cụ hỗ trợ dạy học hiệu quả.

2.2. Một số nguyên tắc sử dụng hình ảnh trong học từ vựng

Việc sử dụng hình ảnh trong nâng cao vốn từ vựng Tiếng Anh có sự khác biệt so với các lĩnh vực khác. Do đó, để tăng tính hiệu quả của việc sử dụng hình ảnh, theo [4] cần phải nắm vững một số nguyên tắc sau đây: a) Hình ảnh phải chính xác và khoa học; b) Hình ảnh cần đơn giản, dễ hiểu; c) Hình ảnh phải phù hợp giữa hình thức và nội dung; d) Hình ảnh thể hiện sự hài hòa và cân đối; e) Kết hợp linh hoạt giữa hình ảnh và lời nói; và f) Hình ảnh được sử dụng đúng lượng và đúng thời điểm (tr. 81-82).

2.3. Đặc điểm của hình ảnh trong học từ vựng

Theo [1], trong phạm vi giáo pháp học ngoại ngữ hình ảnh có bốn chức năng cơ bản sau: (1) Chức năng tâm lý về động cơ; (2) Chức năng minh họa; (3) Chức năng dẫn dắt hoặc suy diễn; và (4) Chức năng trung gian liên kết ký hiệu. Theo Demougin, F [dẫn theo 1], hình ảnh đơn giản không chỉ là một công cụ hỗ trợ, mà nó còn định hướng ngôn ngữ-văn hóa của một cá nhân hay một tập thể. Ngôn ngữ – văn hóa ở đây bao hàm sự liên kết giữa những ràng buộc ngôn ngữ, những quy tắc giao tiếp, những thực hành xã hội của ngôn ngữ. Từ đó ông đưa ra một số đặc điểm của hình ảnh: (1) Hình ảnh là tài liệu mang tính hình mẫu; (2) Hình ảnh có khả năng kể lại lịch sử; (3) Hình ảnh mang đặc trưng định hướng văn hóa; (4) Hình ảnh cho phép cảm nhận ngôn ngữ trên mọi góc độ (ngôn ngữ và phi ngôn ngữ); và (5) Hình ảnh phát hiện ra người khác và cả chụp ảnh.

2.4. Phân loại hình ảnh trong học từ vựng

Như trên đã phân tích, hình ảnh dạy học là các dạng vật chất được sử dụng trong dạy học. Tùy theo tính chất, đặc điểm và cách sử dụng của các vật chất mà hình ảnh trong dạy học được chia ra các loại khác nhau. Theo [2] có một số loại hình ảnh: (1) Hình ảnh của một vật; (2) Hình ảnh về người; (3) Hình ảnh các địa điểm; (4) Hình ảnh từ lịch sử; (5) Hình ảnh chứa nhiều thông tin; (6) Hình ảnh tưởng tượng; (7) Hình ảnh tin tức; và (8) Hình ảnh bản đồ và ký hiệu. Theo Bowen [dẫn theo 5] thì hình ảnh có thể bao gồm: (1) Biểu đồ treo tường; (2) Tranh treo tường; (3) Hình ảnh về chuỗi các tranh có liên quan về một chủ đề duy nhất; (4) Thẻ flash từ; và (5) Thẻ flash hình ảnh. Nghiên cứu về hình ảnh, Yunus [dẫn theo 5] chia hình ảnh thành bốn nhóm: (1) Hình ảnh tổng hợp; (2) Chuỗi hình ảnh; (3) Hình ảnh riêng lẻ; và (4) Tranh chuyên dụng. Ông kết luận rằng mặc dù chúng khác nhau về kích thước và hình thức... Tuy nhiên, chúng vẫn được sử dụng một cách phù hợp với một số hoạt động tùy thuộc vào loại của chúng. Vì nhiều lý do, hình ảnh giúp cho chúng ta rất nhiều trong quá trình dạy học, giúp người học ghi nhớ các từ và cũng khuyến khích người dạy tạo ra bài học thú vị và bổ ích hơn, chi tiết hơn về nội dung bài học khi sử dụng hình ảnh.

Bàn về vai trò của hình ảnh trong dạy học, Nguyễn Thị Lan Anh và Trần Huy Hoàng [6] cho rằng căn cứ vào hình thức có thể chia hình ảnh ra thành hai loại, gồm: (1) Hình ảnh tĩnh; và (2) Hình ảnh động; nếu căn cứ vào mục đích mà hình ảnh mang lại có thể phân chia hình ảnh thành các loại sau: (1) Hình ảnh trang trí; (2) Hình ảnh tượng trưng; (3) Hình ảnh tổ chức; (4) Hình ảnh giải thích; và (5) Hình ảnh chuyển đổi.

2.5. Vai trò của hình ảnh trong học từ vựng

a) Cập nhật, bổ sung, mở rộng kiến thức sách giáo khoa: Theo [4], trong quá trình soạn giáo trình và giảng dạy, các tác giả thường hướng đến sự ngắn gọn và súc tích do giới

hạn thời gian biên soạn và khuôn khổ nội dung. Điều này dẫn đến việc các bài giảng không thể trình bày chi tiết, đầy đủ các kiến thức mang tính thời sự, thực tiễn hoặc các nội dung liên quan khác. Vì vậy, khi tổ chức giảng dạy, giáo viên cần thiết kế bổ sung các hình ảnh minh họa để mở rộng và cập nhật kiến thức. Hình ảnh không chỉ hỗ trợ giáo viên truyền tải thông tin hiệu quả hơn mà còn tiết kiệm thời gian và sức lực. Một bức ảnh có thể truyền tải nhiều ý tưởng mà lời nói khó diễn đạt, giúp nâng cao hiệu quả của quá trình dạy học (tr.81-82).

b) Củng cố và hoàn thiện kiến thức: Sau khi kết thúc một tiết học, một chương hoặc phần kiến thức, điều quan trọng nhất là đảm bảo học sinh nắm được trọng tâm và tổng hợp nội dung đã học. Tuy nhiên, việc này phụ thuộc vào khả năng và phương pháp giảng dạy của giáo viên. Sử dụng hình ảnh như sơ đồ, biểu đồ, hoặc bản đồ tư duy có thể giúp giáo viên hỗ trợ học sinh củng cố kiến thức một cách trực quan và hiệu quả trong các buổi ôn tập.

c) Kiểm tra kết quả học tập của học sinh: Nền giáo dục hiện đại tập trung vào việc phát triển năng lực và chú trọng đến sở thích của người học. Điều này đòi hỏi phương pháp kiểm tra, đánh giá cũng phải thay đổi để phản ánh đúng năng lực của học sinh. Hình ảnh, với tính trực quan và thực tế cao, được sử dụng phổ biến trong đánh giá (như chương trình PISA). Nhờ vào đặc điểm này, hình ảnh giúp giảm áp lực học lý thuyết nặng nề, hạn chế tình trạng học thuộc máy móc và khuyến khích sự hiểu biết thực tế của học sinh [4].

d) Thúc đẩy khả năng tạo lời: Theo Maley, A [dẫn theo 1], vai trò của hình ảnh trong việc kích thích khả năng tạo lời. Với đặc tính phi diễn ngôn, hình ảnh tạo ra nhiều cách diễn giải và sáng tạo khác nhau. Hình ảnh không chỉ thúc đẩy người học diễn đạt ý tưởng bằng lời mà còn khuyến khích tranh luận và khám phá nội dung. Theo Coste, D [dẫn theo 1], hình ảnh có tính đa nghĩa và mở, cho phép khai thác ở nhiều cấp độ, từ đó tạo ra các tình huống thảo luận phong phú trong lớp học. Sự đa nghĩa của hình ảnh không chỉ khơi gợi sự sáng tạo mà còn đóng vai trò trung tâm trong quá trình tiếp nhận và giải mã nội dung.

e) Tăng cường tính tương tác: Cảm nhận hình ảnh dựa trên sự so sánh với những hình ảnh đã in sâu trong nhận thức người học từ trước. Sự tương tác này tạo ra một mối liên kết giữa hình ảnh mới và các hình ảnh cũ, đồng thời thúc đẩy quá trình tiếp nhận và đánh giá. Khi học sinh tiếp xúc với hình ảnh, họ thường liên hệ nó với các hình thức diễn ngôn khác nhằm tìm kiếm và so sánh [7]. Theo [6], hình ảnh không chỉ trực quan hóa nội dung mà còn tối ưu hóa hiệu quả bài giảng. Việc minh họa các sự kiện hoặc khái niệm bằng hình ảnh thu hút cảm xúc của người học, từ đó tăng cường sự hứng thú và hiệu quả trong quá trình học tập.

2.6. Một số thuận lợi khi sử dụng hình ảnh trong học từ vựng

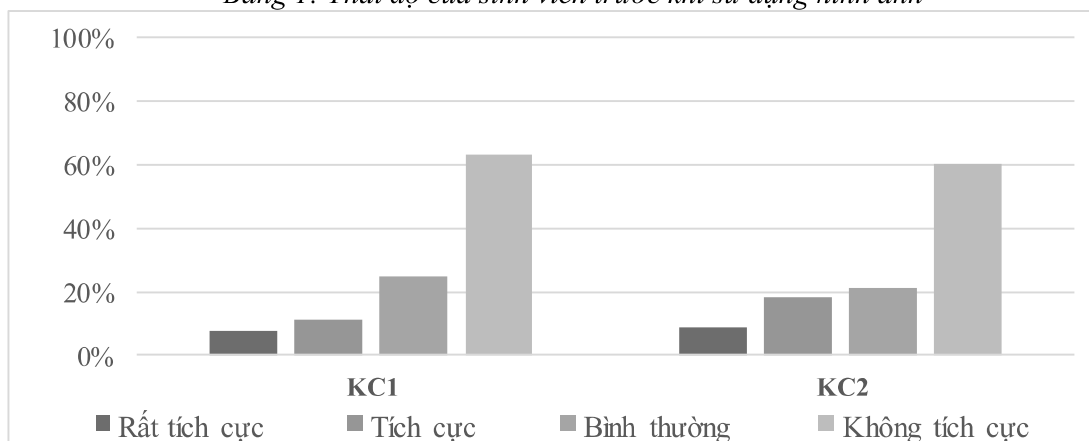
Hình ảnh đã được chứng minh là có nhiều thuận lợi trong việc nâng cao vốn từ vựng Tiếng Anh “hình ảnh thường gắn liền với giá trị vui nhộn, thú vị và mang tính động viên, đặc biệt là trong việc dạy ngôn ngữ thứ hai” [8]. Bởi vì chúng tạo ra động lực, mang lại môi trường học tập thú vị. Người ta nói rằng hình ảnh và hình thức của nó có thể thúc đẩy và thu hút sự chú ý của người học “động lực và hứng thú khi chơi có vai trò quan trọng trong việc duy trì sự thích thú tự nhiên về quy tắc được tôn trọng thủ công đối với kỷ luật kiểm soát” [9]. Byrnes, J & Wasil, B [10] cho rằng “động lực được coi là yếu tố đường như có tác động mạnh mẽ đến sự thành công hay thất bại của người học. Thành công và động lực có mối tương quan với nhau. Khi người học thành công, chắc chắn rằng họ sẽ có động lực học tập hơn “động lực khiến việc học trở nên có ý nghĩa và hiệu quả hơn”. Từ đó, các tác giả đưa ra một số thuận lợi từ việc sử dụng hình ảnh: (1) Nếu mang lại niềm vui, người học sẽ có động lực thực hiện các hoạt động nhiều lần; và (2) Niềm vui có thể thúc đẩy người

học tham gia vào các hoạt động mà không bối rối hay sợ mắc lỗi. Theo [2] cho rằng “học từ vựng là một công việc khó khăn.... Nỗ lực học từ vựng là cần thiết ở mọi thời điểm và phải được duy trì trong một thời gian dài”. Vì vậy, việc sử dụng những hình ảnh đẹp để tạo nên một bài học thú vị là điều rất may mắn. Trong bầu không khí đó, người học chắc chắn không muốn dừng bài học của mình và sẽ cảm thấy vui vẻ hơn và có động lực hơn khi tham gia. Nâng cao vốn từ vựng cho sinh viên cũng là một trong những lợi ích của hình ảnh mang lại. Sử dụng hình ảnh trong việc dạy học là hoạt động rất hiệu quả và hỗ trợ trong việc góp phần rèn luyện vốn từ vựng của sinh viên. Hình ảnh trong lớp học có thể làm tăng đáng kể khả năng sử dụng ngôn ngữ của sinh viên vì sinh viên có cơ hội sử dụng ngôn ngữ có mục đích trong tình huống được cung cấp; hơn nữa “hình ảnh cũng giúp giáo viên tạo ra những bối cảnh trong đó ngôn ngữ hữu ích và có ý nghĩa. Người học muốn tham gia và để làm được điều đó phải hiểu được người khác đang nói gì, viết gì và phải nói hoặc viết để bày tỏ quan điểm hoặc cung cấp thông tin của mình”. Theo Berk [dẫn theo 8], điều này rất quan trọng vì những người học không thể đọc được ý định từ hành động và ngôn ngữ cơ thể có khả năng diễn giải các hành vi là tiêu cực ngay cả khi thực tế không phải như vậy. Bằng cách sử dụng đồng thời văn bản hoặc mã hóa thông tin bằng hình ảnh và lời nói bằng hình ảnh sẽ giúp người học hiểu và ghi nhớ thông tin tốt hơn. Hình ảnh được coi là công cụ gợi ý cảm xúc và lý thuyết trừu tượng, và điều này có nghĩa là nó giúp đặt lý thuyết vào bối cảnh cuộc sống của người học. Những lợi ích này làm cho hình ảnh trở thành một công cụ giảng dạy có giá trị. Tóm lại, lợi ích của hình ảnh trong dạy học và học từ vựng Tiếng Anh là vô số. Khi một hình ảnh được sử dụng, việc quan tâm của chúng ta là cách thức sử dụng như thế nào cho hợp lý, chứ không chỉ dừng lại như là một công cụ hỗ trợ học tập.

2.7. Kết quả khảo sát thực trạng việc học từ vựng trước khi sử dụng của với sinh viên không chuyên năm thứ nhất

a) Kết quả khảo sát thái độ nhận thức của sinh viên trước khi sử dụng hình ảnh được chúng tôi tóm tắt trong bảng dưới đây:

Bảng 1: Thái độ của sinh viên trước khi sử dụng hình ảnh

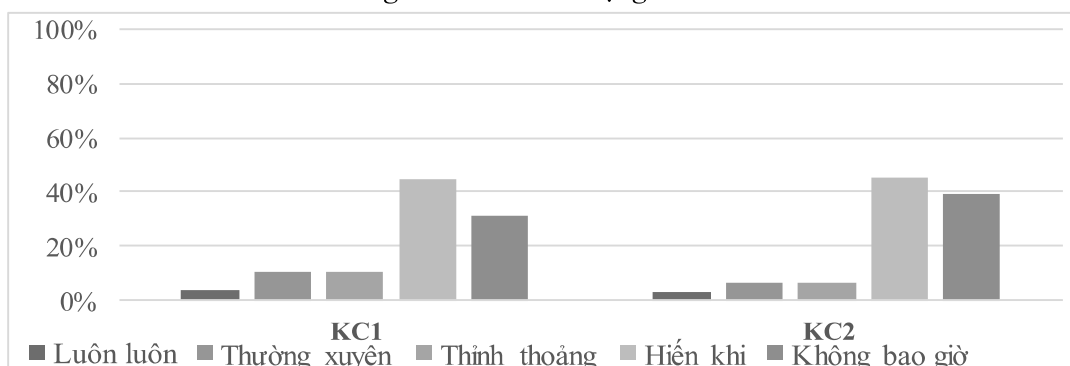


Kết quả khảo sát ở Bảng 1 cho thấy số lượng sinh viên của 02 lớp (KC1 và KC2) có thái độ không thích học từ vựng thông qua hình ảnh chiếm tỉ lệ rất lớn (63% của lớp KC1 và 60% của lớp KC2). Tỉ lệ sinh viên có thái độ bình thường khi học có sử dụng hình ảnh chiếm tỉ lệ không cao ở cả 02 lớp (lớp KC1 chiếm 25% và lớp KC2 chiếm 12%). Số lượng sinh viên có thái độ tích cực và không tích cực sử dụng hình ảnh học từ vựng chiếm tỉ lệ tương đối thấp (lớp KC1 chiếm 18% và lớp KC2 chiếm 27%). Qua phân tích số liệu trên

cho chúng tôi thấy được mức độ sinh viên quan tâm đến việc tham gia học tập có sử dụng hình ảnh là tương đối thấp, thực tế trên chủ yếu xuất phát từ hành vi học tập. Sinh viên đã quá quen thuộc với các phương pháp học truyền thống. Hầu hết sinh viên không có khái niệm và cảm thấy không có hào hứng khi tham gia hoạt động dạy học có sử dụng hình ảnh minh họa kèm theo. Điều này được thể hiện ở tỉ lệ sinh viên có thái độ rất tích cực và tích cực tham gia lớp học có sử dụng hình ảnh trong 02 lớp chiếm tỉ lệ nhỏ (lớp KC1 chiếm 18% và lớp KC2 chiếm 27%).

b) Kết quả khảo sát tuần suất sử dụng hình ảnh nhằm nâng cao vốn từ vựng của sinh viên trước khi sử dụng hình ảnh được chúng tôi tóm dưới bảng sau:

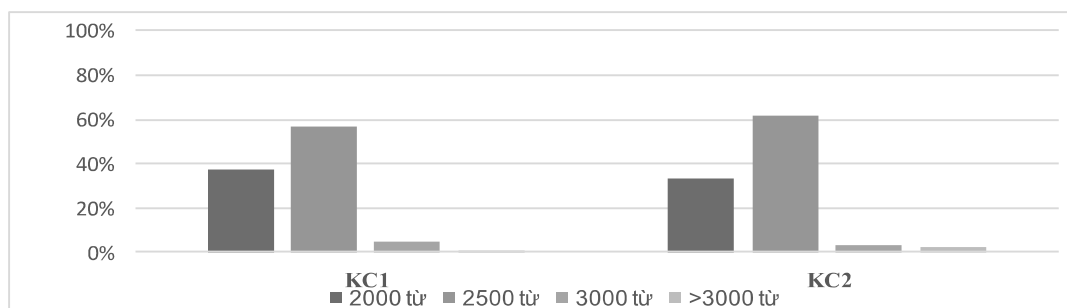
Bảng 2: Tần suất sử dụng hình ảnh



Từ bảng dữ liệu cho thấy có sự phân hóa rõ rệt giữa các mức độ tần suất sử dụng hình ảnh nhằm nâng cao vốn từ vựng của sinh viên lớp KC1 và KC2. Có thể thấy số lượng sinh viên có tần suất sử dụng hình ảnh khi học từ vựng chiếm tỉ lệ nhỏ (lớp KC1 chiếm 3,4% và lớp KC2 chiếm 3,0%); trong khi đó tỉ lệ sinh viên có tần suất hiếm khi và không bao giờ sử dụng hình ảnh chiếm tỉ lệ rất cao (lớp KC1 chiếm 76% và lớp KC2 chiếm 84%). Tỉ lệ sinh viên có tần suất hiếm khi và không bao giờ sử dụng hình ảnh cao gấp 6 lần so với tỉ lệ sinh viên có tần suất luôn luôn và thường xuyên sử dụng hình ảnh khi học từ vựng ở cùng lớp KC1; tỉ lệ này ở lớp KC2 còn cao hơn rất nhiều chiếm hơn 9% (tần suất hiếm khi và không bao giờ chiếm 84% so với tần suất luôn luôn và thường xuyên chỉ chiếm 9%). Qua dữ liệu khảo sát cũng cho thấy tỉ lệ sinh viên có tần suất thỉnh thoảng sử dụng hình ảnh khi học từ vựng cũng chiếm tỉ lệ không cao (lớp KC1 chiếm 10,3%; lớp KC2 chiếm 6,1%).

c) Kết quả khảo sát tần suất sử dụng từ vựng của sinh viên trước khi sử dụng hình ảnh được chúng tôi trình bày dưới bảng sau:

Bảng 3: Tần suất sử dụng từ vựng

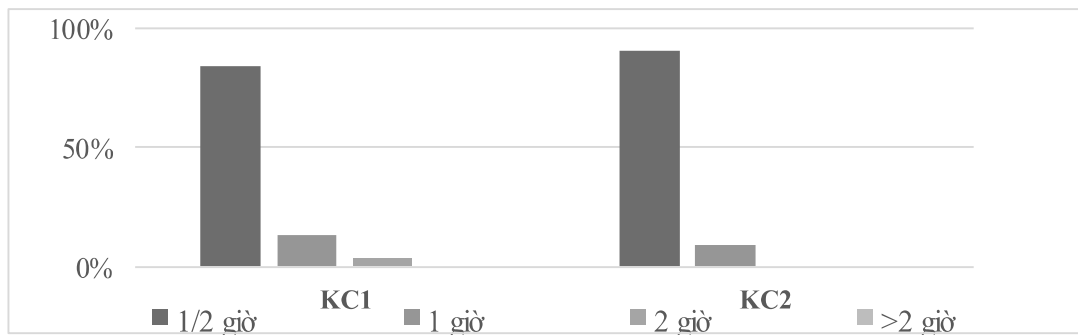


Từ kết quả khảo sát trên, chúng ta có thể thấy số lượng sinh viên đáp ứng tiêu chuẩn có

tần suất sử dụng từ vựng đạt trên 3000 từ chiếm tỉ lệ rất nhỏ (lớp KC1 chiếm 3%; lớp KC2 chiếm 6%). Số lượng sinh viên có tần suất sử dụng từ vựng đạt từ 2000 từ đến 2500 từ chiếm tỉ lệ rất lớn (lớp KC1 chiếm 85%; lớp KC2 chiếm 87%). Điều này chứng tỏ rằng việc học từ vựng và sử dụng từ vựng của sinh viên chưa được chú ý đến, các phương pháp học từ vựng của sinh viên hầu như không có, sinh viên không có động lực học từ vựng và sử dụng từ vựng.

d) Kết quả khảo sát thời gian dành cho học từ vựng của sinh viên trước khi sử dụng hình ảnh được chúng tôi tóm dưới bảng sau:

Bảng 4: Thời gian dành cho học từ vựng



Số liệu khảo sát từ bảng tổng hợp cho thấy sự chênh lệch rất lớn về thời gian dành cho việc học từ vựng của sinh viên. Tỉ lệ sinh viên dành thời gian 1/2 giờ/ ngày cho việc học tiếng Anh chiếm tỷ lệ rất cao (lớp KC1 chiếm 82%; lớp KC2 chiếm 90%); số lượng sinh viên dành thời gian 1 giờ/ ngày cho việc học từ vựng đứng ở vị trí thứ hai (lớp KC1 chiếm 13%; lớp KC2 chiếm 9%); số lượng sinh viên dành thời gian 2 giờ/ ngày cho việc học từ vựng đứng ở vị trí thứ ba (lớp KC1 chiếm 3%; lớp KC2 chiếm 0%); không có số sinh viên nào dành thời gian >2 giờ/ ngày để học từ vựng. Điều này có nghĩa rằng phần lớn sinh viên không có kế hoạch đầu tư hoặc có đầu tư thời gian nhưng còn khiếm tốn; có thể sinh viên phải dành thời gian cho các môn học khác hoặc các hoạt động khác. Tuy nhiên, với thời gian dành cho việc học từ vựng Tiếng Anh như trình bày ở trên, đương nhiên sẽ ảnh hưởng không chỉ đến số lượng từ vựng mà còn ảnh hưởng đến kết quả học tập cho các kỹ năng khác “nhiều học sinh Việt Nam chưa đánh giá đúng tầm quan trọng của tiếng Anh nói riêng, ngoại ngữ nói chung, chưa dành đủ thời lượng cần thiết cho việc học ngoại ngữ nói chung, học từ vựng nói riêng. Thông thường, để làm chủ được từ vựng nói riêng, kiến thức bài giảng nói chung thì mỗi sinh viên cần hiểu 30% lượng kiến thức trước khi lên lớp, 50% lượng kiến thức ở trên lớp, và 20% sau giờ học” [11].

2.8. Một số biện pháp và kết quả khảo sát sau khi sử dụng hình ảnh nhằm nâng cao vốn từ vựng Tiếng Anh cho sinh viên không chuyên năm thứ nhất của Trường đại học Thủ đô Hà Nội

2.8.1. Một số biện pháp sử dụng hình ảnh nhằm nâng cao vốn từ vựng Tiếng Anh cho sinh viên không chuyên năm thứ nhất của Trường đại học Thủ đô Hà Nội

a) Biện pháp 1: Sử dụng hình ảnh để dạy kiến thức mới

Sử dụng hình ảnh khi dạy kiến thức mới sẽ giúp ích rất nhiều cho giảng viên trong việc truyền tải kiến thức đến sinh viên. Bởi, một hình ảnh sẽ nói lên được rất nhiều ý tưởng mà lời nói của giảng viên không thể nào diễn đạt hết được. Do đó, sử dụng hình ảnh sẽ giúp giảng viên tiết kiệm được thời gian và sức lực mà tính hiệu quả của việc truyền tải kiến thức lại cao hơn.

- Mục đích: Với biện pháp này sẽ giúp giảng viên xác định được những nội dung học phần nào cần sử dụng hình ảnh minh họa, tạo kiện thuận lợi, chủ động cho giảng viên và sinh viên trong công tác chuẩn bị dạy và học.

- Cách thức tiến hành: Xác định nội dung chủ đề bài học có sử dụng hình ảnh trong toàn bộ bài giảng. Giảng viên dựa trên đề cương chi tiết học phần, nội dung của bài giảng để chuẩn bị hình ảnh cho từng phần của bài giảng; Xác định nội dung bài học có sử dụng hình ảnh trong phần của bài giảng cụ thể, bằng việc xác định các phương pháp sử dụng chung cho cả bài giảng, giảng viên sẽ cần nhắc xác định cụ thể phần nào của bài giảng, tiết mấy có sử dụng hình ảnh. Trong phần bài giảng này, giảng viên cần xác định sử dụng hình ảnh về các môn thể thao trong việc giúp sinh viên nhận diện được tên các môn thể thao mà sinh viên có thể biết hoặc chưa biết.

b) Biện pháp 2: Sử dụng hình ảnh nhằm nâng cao tính tích cực học tập của sinh viên

- Mục đích: Với biện pháp này sẽ giúp cho việc dạy học từ vựng hiệu quả hơn bằng việc kích thích sự chủ động, sáng tạo, linh hoạt của giảng viên và tăng tính tích cực học tập của sinh viên.

- Cách thức tiến hành: Sử dụng hình ảnh để trình bày kiến thức, đây là cách mà giảng viên cũng như sinh viên dễ dàng thực hiện, tuy nhiên giảng viên cần lưu ý chỉ nên sử dụng hình ảnh ở mức độ mô tả lại kiến thức được thể hiện qua hình ảnh hay thông tin từ hình ảnh. Biện pháp này chỉ sử dụng hình ảnh đối với những nội dung khó trong bài giảng, khi đó giảng viên sẽ giúp sinh viên rèn luyện và phát triển các kỹ năng như quan sát, mô tả tường thuật, phân tích, nhận định và đánh giá. Để việc khai thác hình ảnh một cách hiệu quả, phát huy được tính tích cực của sinh viên, giúp sinh viên tự tìm hiểu nội dung của hình ảnh, giảng viên cần thực hiện một số bước sau: (1) cho sinh viên quan sát hình ảnh để xác định nội dung hình ảnh cần khai thác; (2) sử dụng các câu hỏi có liên quan để tổ chức hướng dẫn sinh viên tìm hiểu nội dung hình ảnh; (3) sinh viên trình bày kết quả tìm kiếm có liên quan đến nội dung hình ảnh; (4) yêu cầu sinh viên khác nhận xét, bổ sung ý kiến; và (5) đưa ra nhận xét đối với sinh viên và hoàn thiện nội dung khai thác từ hình ảnh để sinh viên dễ dàng nhận diện.

c) Biện pháp 3: Sử dụng hình ảnh khi ôn tập củng cố

Mục đích: Với biện pháp này sẽ giúp cho sinh viên củng cố từ vựng hiệu quả, nắm được trọng tâm và khái quát được các vấn đề mà giảng viên đã giảng dạy từ các phần trước đó của bài học.

- Cách thức tiến hành: Khi kết thúc một tiết, một bài, một chương hay một phần kiến thức thì vấn đề quan trọng nhất là làm sao cho sinh viên nắm được trọng tâm, khái quát những kiến thức đã học. Tuy nhiên, vấn đề này không phải dễ dàng đạt được. Nó còn phụ thuộc rất nhiều vào khả năng và phương pháp giảng dạy của giảng viên. Việc sử dụng hình ảnh như sơ đồ, sơ đồ tư duy, biểu bảng... sẽ giúp ích rất nhiều cho giảng viên trong các tiết ôn tập củng cố.

d) Biện pháp 4: Sử dụng hình ảnh để mở rộng kiến thức, giải thích các hiện tượng

Mục đích: Với biện pháp này sẽ giúp cho sinh viên mở rộng kiến thức và giải thích được các hiện tượng từ vựng thuộc các phần bài học.

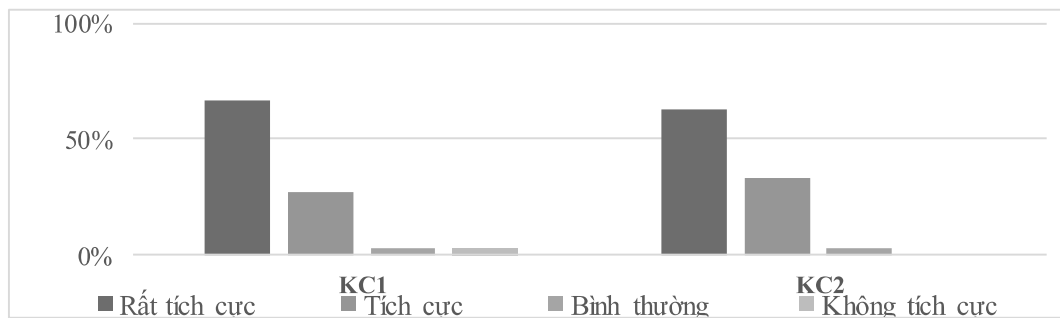
- Cách thức tiến hành: Tiếng Anh nói chung và từ vựng Tiếng Anh nói riêng là một môn khoa học liên quan rất nhiều đến đời sống và văn hóa. Sự thành thạo từ vựng Tiếng Anh giúp mỗi cá nhân tiếp cận kiến thức mới và nắm bắt được những xu hướng công nghệ mới nhất, giúp tương tác, học hỏi và chia sẻ kinh nghiệm cả ở cấp độ vi mô và cấp độ toàn cầu. Tuy nhiên, nếu chỉ dùng lý thuyết và ngôn ngữ thông thường để giải thích cho sinh viên thì tính hiệu quả không cao mà còn gây ra sự nhầm lẫn. Để tăng tính thuyết phục, sự hứng

thú và niềm tin của sinh viên vào việc học từ vựng Tiếng Anh thì việc sử dụng hình ảnh là sự lựa chọn đúng đắn. Bởi vì, một hình ảnh có thể nói lên được rất nhiều thông tin và cũng là bằng chứng đáng tin cậy nhất mà việc dùng lời không thể diễn tả hết. Từ đó sinh viên sẽ vận dụng kiến thức để giải thích và hiểu sâu sắc về bài học hơn; giúp sinh viên củng cố niềm tin, nhận thức đúng và thấy được vai trò quan trọng của học từ vựng Tiếng Anh trong cuộc sống.

2.8.2. Kết quả khảo sát sau khi sử dụng hình ảnh nhằm nâng cao vốn từ vựng Tiếng Anh cho sinh viên không chuyên năm thứ nhất của Trường đại học Thủ đô Hà Nội

a) Kết quả khảo sát thái độ nhận thức của sinh viên sau khi sử dụng hình ảnh được chúng tôi tóm tắt trong bảng dưới đây:

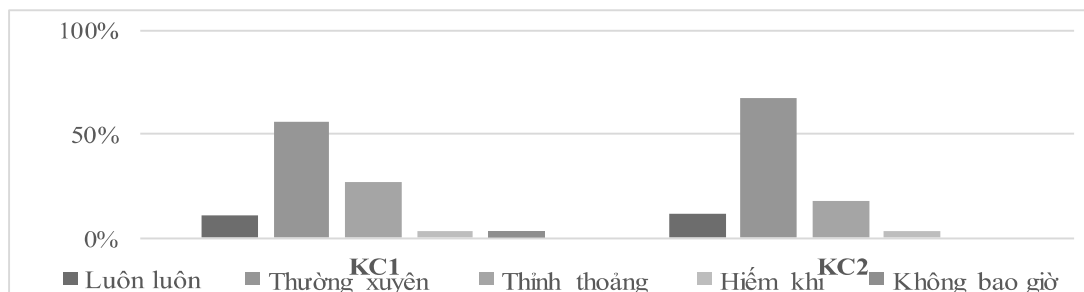
Bảng 5: Thái độ của sinh viên sau khi sử dụng hình ảnh



Từ bảng số liệu trên, chúng ta có thể nhận thấy số lượng sinh viên của 02 lớp (KC1 và KC2) có nhận thức rất tích cực và tích cực trong việc sử dụng hình ảnh nhằm nâng cao vốn từ vựng Tiếng Anh chiếm tỉ lệ rất cao (lớp KC1 chiếm 93% và lớp KC2 chiếm 97%). Tỉ lệ sinh viên có thái độ bình thường khi sử dụng hình ảnh nhằm nâng cao vốn từ vựng chiếm tỉ lệ không đáng kể (lớp KC1 chiếm là 3% và lớp KC2 chiếm 3%). Số lượng sinh viên có thái độ không tích cực khi sử dụng hình ảnh nhằm nâng cao vốn từ vựng chiếm tỉ lệ rất thấp (lớp KC1 chiếm 3%), đặc biệt đối với lớp KC2 không có sinh nào. Như vậy, có thể khẳng định việc sử dụng hình ảnh có tác dụng giúp sinh viên tạo ra thái độ tích cực, chủ động đối với việc nâng cao vốn từ vựng.

b) Kết quả khảo sát tần suất sử dụng hình ảnh nhằm nâng cao vốn từ vựng của sinh viên sau khi sử dụng hình ảnh được chúng tôi tóm tắt dưới bảng sau:

Bảng 6: Tần suất sử dụng hình ảnh

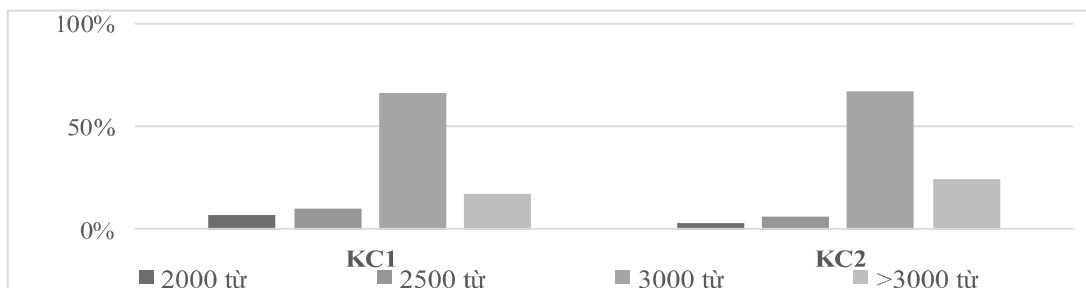


Từ bảng dữ liệu cho thấy số lượng sinh viên có mức độ tần suất luôn luôn và thường xuyên sử dụng hình ảnh khi học từ vựng chiếm tỉ lệ rất lớn (lớp KC1 chiếm 66% và lớp KC2 chiếm 79%); trong khi đó tỉ lệ sinh viên có tần suất hiếm khi và không bao giờ sử dụng hình ảnh chiếm tỉ lệ rất nhỏ, thậm chí không có sinh viên nào (lớp KC1 là 3% và lớp KC2 là 0%). Điều này chứng tỏ rằng, sinh viên cũng đã nhận thức rất rõ vai trò và chức năng của hình ảnh

trong quá trình nâng cao vốn từ vựng của họ. Chính nhờ có hình ảnh kèm theo trong quá trình học đã giúp cho sinh viên hình thành thói quen, đặc biệt với sự phát triển của khoa học công nghệ đã giúp cho sinh viên cập nhật và truy cập vào những hình ảnh có nội dung bám sát ý nghĩa giải thích và rất gần gũi với những từ vựng mới, điều này giúp sinh viên hiểu và nhớ từ vựng rất lâu.

c) Kết quả khảo sát số lượng từ vựng của sinh viên sau khi sử dụng hình ảnh được chúng tôi tóm dưới bảng sau:

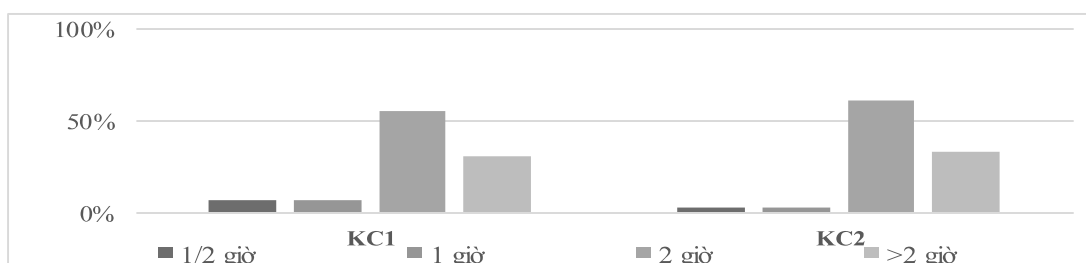
Bảng 7: Tần suất sử dụng từ vựng



Từ kết quả khảo sát trên bảng tổng hợp trên, chúng ta có thể thấy số lượng sinh viên có tần suất sử dụng từ vựng khi sử dụng hình ảnh từ 3000 đến trên 3000 từ chiếm tỉ lệ rất lớn (lớp KC1 chiếm 83%; lớp KC2 chiếm 91%). Trong khi đó, số lượng sinh viên có tần suất sử dụng từ vựng sau khi sử dụng hình ảnh từ 2000 từ đến 2500 từ chiếm tỉ lệ không đáng kể (lớp KC1 chiếm 17%; lớp KC2 chiếm 9%). Điều này chứng tỏ rằng sinh viên đã nhận thức rất rõ việc học từ vựng và sử dụng từ vựng sau khi sử dụng hình ảnh.

d) Kết quả khảo sát thời gian dành cho học từ vựng của sinh viên sau khi sử dụng hình ảnh được chúng tôi tóm dưới bảng sau:

Bảng 8: Thời gian dành cho học từ vựng



Số liệu khảo sát cho thấy số lượng sinh viên dành thời gian 1/2 giờ/ ngày đến 1 giờ/ ngày cho việc học từ vựng Tiếng Anh chiếm tỉ lệ rất nhỏ (lớp KC1 chiếm 14%; lớp KC2 chiếm 6%); số lượng sinh viên dành thời gian 2 giờ/ ngày đến >2 giờ/ ngày cho việc học từ vựng chiếm tỉ lệ rất cao (lớp KC1 chiếm 86%; lớp KC2 chiếm 94%). Điều này có nghĩa rằng hầu hết sinh viên đã sắp xếp và bố trí kế hoạch, đầu tư thời gian vào việc học từ vựng; linh hoạt trong việc dành thời gian cho các môn học khác hoặc các hoạt động khác.

3. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh hiện đại với sự phát triển không ngừng của tri thức, việc học từ vựng Tiếng Anh kết hợp sử dụng hình ảnh đã trở thành một yêu cầu quan trọng và cần thiết đối với mọi người. Đối với sinh viên, phương pháp này là một trong những cách học hiệu quả, giúp rèn luyện khả năng ghi nhớ, phát triển tư duy, và nâng cao trình độ kiến thức về từ vựng nói riêng và Tiếng Anh nói chung. Tuy nhiên, thực tế cho thấy việc học từ vựng

Tiếng Anh thông qua hình ảnh vẫn chưa thực sự hấp dẫn, còn mang tính hình thức, hiệu quả chưa cao, và chưa tạo được sự lan tỏa rộng rãi. Kết quả nghiên cứu chủ yếu được áp dụng trong một nhóm sinh viên nhất định, và không phải sinh viên nào cũng tích cực, hào hứng sử dụng hình ảnh trong quá trình học từ vựng Tiếng Anh. Vì vậy, cần có những biện pháp hữu hiệu hơn trong giảng dạy và học tập để nâng cao hiệu quả của việc học từ vựng Tiếng Anh thông qua hình ảnh, không chỉ đối với sinh viên không chuyên mà còn cho cả sinh viên chuyên ngành.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Thanh Phượng (2016), Hình ảnh dưới góc nhìn giáo học pháp - Từ lý thuyết đến thực tiễn, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Đà Nẵng*, (4), tr.29-32.
2. Wright, A. (1990), *Pictures for language learning*, Cambridge University Press.
3. Hoàng Phê (2015), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
4. Thái Ngọc Triển (2015), Sử dụng hình ảnh trong dạy học hóa học pử trường phổ thông, *Tạp chí Khoa học, Đại học Sư phạm Tp HCM*, (8), tr.81-82.
5. Nim, L. (2006), *Teaching vocabulary through pictures to the kindergarten students*, Syarif Hidayatullah Statate Islamic University Press.
6. Nguyễn Thị Lan Anh và Trần Huy Hoàng (2011), Hình ảnh và vai trò của hình ảnh trong dạy học, *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, (71), tr.8-9.
7. Pauzet, A. (2003), On the use of pictorial images in French as a foreign language class, *Study of Applied Linguistics*, (138), pp.137-151.
8. Zamboo, D. (2005), Using the picture book Thank You, Mr. Fanker to understand struggling readers, *Journal of Adolescent & Adult Literacy*, 48(4), pp.502-512.
9. Vale, D. (1995). *Teaching English*. Cambridge University Press, Melbourne.
10. Byrnes, J. & Wasik, B. A. (2009), Picture this: Using photography as a learning tool in early childhood classrooms, *Childhood Education*, 85(4), pp.243- 248.
11. Nguyễn Thanh Nga (2023), Thực trạng và giải pháp học từ vựng tiếng Anh của sinh viên không chuyên Trường Đại học Công nghệ Giao thông Vận tải, *Tạp chí Thiết bị Giáo dục*, 1 (292), tr.39-41.

USING IMAGES TO ENHANCE ENGLISH VOCABULARY FOR FIRST-YEAR NON-MAJOR STUDENTS AT HANOI METROPOLITAN UNIVERSITY

Abstract: The study was conducted through a survey of 62 first-year non-major students at Hanoi Metropolitan University to understand the current situation of using images to improve English vocabulary through a direct questionnaire. The research results not only help lecturers innovate their English teaching methods but also assist students in enhancing the quality of their English vocabulary learning, meeting the requirements of the program's learning outcomes as well as the demands of future career orientation. Based on this, the authors' group proposes several measures for using images to improve vocabulary, helping students realize the importance of learning English vocabulary in general and English in particular as an international language.

Keywords: Images, first-year students, non-major students, English, vocabulary.